

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 10 - 2019

“V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Phương;

2. Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/ 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 255/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Minh Ng, sinh năm 1982, nơi cư trú: Tổ 08, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Bùi Văn M, sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ 08, Tổ 08, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2019 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh Ng trình bày: Bà với ông Bùi Văn M tìm hiểu, yêu thương nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Nguơn theo giấy chứng nhận kết hôn số 153/HT quyền số 01/2006. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có con chung tên Bùi Huỳnh Huệ M, sinh ngày 30/9/2007 và Bùi Huỳnh Minh Q, sinh ngày 22/02/2013; nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung; nhiều lần ông M có những lời lẽ xúc phạm bà, bạo hành tinh thần vợ con, gây sức mẻ tình cảm trong gia đình, dù ở chung nhà

tại phường Vĩnh Nguơn, nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018, trong cuộc sống vợ chồng nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, cũng tự hàn gắn tình cảm, nhưng không thể hàn gắn được. Do đó, bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông M;

Ông Bùi Văn M trình bày: Về điều kiện đi đến hôn nhân đúng như lời bà Ng trình bày; vợ chồng có đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhiều lần, nhưng sau đó hàn gắn lại. Hiện nay ông với bà Ng vẫn sống chung nhà tại khóm V, phường N, thành phố D. Do có xảy ra mâu thuẫn, nên ông với bà Ng không còn quan hệ vợ chồng từ khoảng tháng 9 năm 2018 đến nay như lời bà Ng trình bày. Hiện tình cảm của ông đối với bà Ng vẫn còn, nên mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Ng.

Về con chung: Bà Ng, ông M thống nhất trong thời kỳ hôn nhân có con chung tên Bùi Huỳnh Huệ M, sinh ngày 30/9/2007 và Bùi Huỳnh Minh Q, sinh ngày 22/02/2013; Bà Ng và ông M đều có nguyện vọng được nuôi dạy con chung khi ly hôn;

Về tài sản chung, nợ chung: Ông M, bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Bà Ng vẫn cho rằng trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, nhưng vì con chung nên hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, sau đó vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, không còn sống chung gần một năm nay. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn với ông M. Về con chung yêu cầu được nuôi dạy, không yêu cầu ông M cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông M cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, đã ly thân, không còn sống chung từ tháng 10 năm 2019. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ trên 90%, nhưng vẫn muốn hàn gắn tình cảm với bà Ng. Về con chung nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông có yêu cầu nuôi dạy. Với công việc tài xế taxi Mai Linh, thu nhập dao động từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng, nhưng không ổn định. Xác định không thể cung cấp tài liệu, chứng cứ có cơ sở pháp lý chứng minh cho thu nhập của mình. Thời gian làm việc từ sáng sớm đến chiều tối. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật tranh chấp;

Thu thập chứng cứ phù hợp qui định tại Điều 97, 98 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn cấp tổng đạt thực hiện đúng qui định.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Giữa bà Ng với ông M tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng, nhưng trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng có xảy mâu thuẫn cãi vã nhau và không còn sống chung hơn một năm; ông M thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như bà Ng trình bày. Nên, bà Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở; Về tài sản chung và nợ chung, bà Ng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Ng ông M có 02 con chung, về điều kiện nuôi con thấy rằng bà Ng có thu nhập ổn định hơn so với ông M, hơn nữa nguyện vọng của con muốn sống với bà Ng khi cha mẹ ly hôn. Do đó, không đề sáo trộn cuộc sống của các cháu khi cha mẹ ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Ng nuôi dạy, ông M không phải cấp dưỡng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Ng có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông M. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; ông M có nơi cư trú tại khóm V, phường N, thành phố D; bà Ng đã nộp tiền tạm ứng án phí nên tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Ng với ông M tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, nên hôn nhân giữa bà Ng, ông M là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng;

Sau khi kết hôn thì ông M, bà Ng có cuộc sống hạnh phúc và có con chung. Sau đó, nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, đỉnh điểm là năm 2018. Mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được tình cảm nên bà Ng và ông M không còn quan hệ vợ chồng (sống ly thân) khoảng 01 năm nay. Đó là một khoảng thời gian dài, nhưng đến nay ông M, bà Ng vẫn không hàn gắn được tình cảm.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*” Thế nhưng vợ chồng bà Ng, ông M không

còn chung sống hơn 01 năm nay. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Ng;

[2.2] *Xét Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Ng với ông M có con chung tên Bùi Huỳnh Huệ M, sinh ngày 30/9/2007 và Bùi Huỳnh Minh Q, sinh ngày 22/02/2013; Bà Ng, ông M đều có nguyện vọng nuôi dạy con chung;

Xét về yêu cầu nuôi dạy con chung của ông M thấy rằng từ khi ly thân đến nay thì ông M vẫn có thời gian chăm sóc con chung, ông M hiện đang có thu nhập từ việc chạy xe taxi Mai Linh, nên ông M cũng có điều kiện để nuôi dạy con chung; Tuy nhiên, việc thu nhập từ chạy xe taxi là không ổn định, thời gian chăm sóc con không đảm bảo (do tính chất công việc). Hơn nữa, ông M không cung cấp được chứng cứ về thu nhập cá nhân.

Xét về yêu cầu nuôi dạy con chung của bà Ng thấy rằng, hiện nay, bà Ng đang là giáo viên Trường THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa Châu Đốc với thu nhập từ lương chính 9.730.000 (chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng). Ngoài ra, bà Ng còn cung cấp bảng xác nhận của trường về khoản thu nhập dạy thêm ngoài giờ môn hóa học với số lượng 31 học sinh, mỗi học viên 250.000đồng/tháng. Chứng tỏ ngoài thu nhập ổn định từ tiền lương, bà Ng còn thu nhập tăng thêm với việc dạy ngoài giờ với số tiền 7.750.000đồng/tháng. Do đó, xét thấy, bà Ng thu nhập ổn định hơn so với ông M. Mặt khác, tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Bùi Huỳnh Huệ M vào ngày 04/10/2019 thì cháu M có nguyện vọng sống với bà Ng khi cha mẹ ly hôn, cháu M còn cho rằng em ruột là Bùi Huỳnh Minh Q không chịu về bên nội sinh sống. Hiện nay bà Ng là giáo viên đang dạy Trường THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa Châu Đốc nên việc chăm sóc, nuôi dạy con đủ điều kiện, tốt hơn ông M.

Từ những dẫn chứng, nhận định trên, để không có sự sáo trộn và nhằm ổn định cuộc sống cho các cháu M, Q phát triển về thể chất, tinh thần khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết để bà Ng được nuôi dạy cả 02 con chung, việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Bà Ng cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở việc bà Ng trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi dạy con chung*: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha mẹ. Do đó, không phân biệt

người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con;

Đối chiếu với quy định nêu trên, lẽ ra ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ng chỉ yêu cầu nuôi dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng và cho rằng có đủ khả năng nuôi dạy con chung. Hiện nay ông M tuy có nghề nghiệp, nhưng thu nhập không ổn định từ việc lái xe taxi. Xét thấy, việc bà Ng không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ khả năng đảm bảo cuộc sống của con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ông M không phải cấp dưỡng.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, bà Ng phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng:

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Minh Ng, sinh năm 1982 được ly hôn ông Bùi Văn M, sinh năm 1981;

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 153/HT, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc cấp ngày 22 tháng 8 năm 2006 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung:

Bà Huỳnh Thị Minh Ng được nuôi dạy con chung tên Bùi Huỳnh Huệ M, sinh ngày 30/9/2007 và Bùi Huỳnh Minh Q, sinh ngày 22/02/2013; ông Bùi Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét.

Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Minh Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số

TU/2017/0003214 ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà Ng đã nộp đủ.

Ông Bùi Văn M không phải chịu án sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Ng, ông M có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Nguơn;
- TAND tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát thành phố Châu Đốc;
- Chi cục THADS thành phố Châu Đốc;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đức